

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DSPT

Ngày: 27/12/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Trường

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính

Bà Vũ Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Quang - Kiểm sát viên tham phiên tòa.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DSST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến L, sinh năm 1966 (có mặt);

Bà Nguyễn Thị M sinh năm 1968 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố Đ, phường Đ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Ông Ngô Sỹ L, sinh năm 1965 (có mặt);

Bà Lê Thị L. sinh năm 1971 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố P, phường P, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng Hưởng – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Vĩnh Xuân, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

Địa chỉ: Số 145, khu 6, thôn Thụy Lôi, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo: Ông Ngô Sỹ L, Bà Lê Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn là Ông Nguyễn Tiến L, Bà Nguyễn Thị M trình bày:

Do có quan hệ quen biết từ trước nên Ông Nguyễn Tiến L, Bà M đã cho Ông Ngô Sỹ L, Bà Lê Thị L vay tiền. Bà L là người trực tiếp viết vào giấy mượn tiền đã được in mẫu sẵn có nội dung: *“Tôi là Lê Thị L ở Phù Khê, Từ Sơn, Bắc Ninh. Hiện đang kinh doanh đồ gỗ có vay của anh Nguyễn Tiến L và chị Nguyễn Thị M địa chỉ Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh số tiền là 400.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh buôn bán. Thời hạn vay (là không ghi). Tôi xin cam kết đúng hạn sẽ trả lại số tiền trên và bảo toàn vốn trong lúc kinh doanh buôn bán. Nếu có việc gì không may xảy ra trong lúc buôn bán tôi làm thất thoát tiền của anh chị Lưu Minh không thể trả lại tiền cho anh chị đúng hạn thì anh chị L M được quyền đến nhà tôi và nơi tôi buôn bán lấy bất cứ tài sản gì của gia đình tôi hiện có để san bằng số tiền mà tôi đã mượn ở trên. Tôi xin cam đoan sẽ không gây phiền hà hay ngăn cản bất cứ điều gì khi anh chị Lưu Minh lấy những tài sản mà gia đình tôi có. Tôi xin cam đoan những điều tôi nói ở trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và chịu mọi chi phí tổn thất nếu xảy ra kiện tụng. Đình Bảng, ngày 08/6/2018 âm”*. Bà L là người ghi những dòng chữ: *“Lê Thị L, Phù Khê, Từ Sơn, Bắc Ninh, đồ gỗ, 400.000.000, bốn trăm triệu đồng chẵn”*. Ông L2, Bà L đã ký tên dưới mục bên mượn. Từ khi viết giấy vay tiền này, Ông L2, Bà L không trả tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ông Nguyễn Tiến L, Bà M.

Năm 2018, Ông L2, Bà L đã vay của Ông Nguyễn Tiến L, Bà M hai khoản tiền tổng là 1.000.000.000 đồng, trong đó bao gồm khoản vay 600.000.000 đồng và khoản vay 400.000.000 đồng. Năm 2021, hai bên đã thỏa thuận thanh toán khoản tiền 600.000.000 đồng bằng việc Ông L2, Bà L chuyển nhượng lại đất ruộng nông nghiệp cho Ông Nguyễn Tiến L, Bà M. Sau khi thanh toán xong khoản tiền này, Ông Nguyễn Tiến L, Bà M đã gạch chéo giấy vay khoản tiền 600.000.000 đồng và trả lại giấy này cho Ông L2, Bà L. Vì vậy, Ông L2 Bà L chỉ còn nợ khoản 400.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 08/6/2018. Thời điểm hai bên chốt công nợ là đầu năm 2021 nhưng vì khoản vay 400.000.000 đồng từ năm 2018 nên khi chốt công nợ Bà L không ghi ngày tháng năm mà để trống dòng này, Ông Nguyễn Tiến L. Bà M đã ghi ngày 08/6/2018 để dễ theo dõi khoản nợ.

Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng. Ông Nguyễn Tiến L, Bà M đã yêu cầu Ông L2, Bà L phải trả tiền nhiều lần nhưng Ông L2, Bà L không trả. Vì vậy, Ông Nguyễn Tiến L, Bà M yêu cầu Tòa án giải quyết. Do Ông L2, Bà L trình bày điều kiện kinh tế khó khăn nên Ông Nguyễn Tiến L, Bà M yêu cầu

Ông L2, Bà L phải trả cho ông bà tiền nợ gốc 400.000.000 đồng, không yêu cầu Ông L2, Bà L phải trả lãi.

Bị đơn là Ông Ngô Sỹ L, Bà Lê Thị L trình bày:

Ông bà đã được Tòa án cho xem Giấy mượn tiền ngày 08/6/2018 âm lịch. Ông L2, Bà L xác nhận chữ ký dưới mục bên mượn đúng là chữ ký của Ông L2, Bà L. Toàn bộ nội dung của giấy mượn tiền này là đúng, số tiền vay là đúng, trừ ngày tháng năm ghi ở cuối “*Đình Bảng, ngày 08 tháng 6 năm 2018 âm*” là không đúng. Vì số tiền này Ông L2, Bà L vay của Ông Nguyễn Tiến L, Bà M từ ngày 08/6/2018 âm lịch là đúng nhưng sau đó hai bên đã thỏa thuận và thanh toán lãi đến đầu năm 2021. Ông L2, Bà L không nhớ chính xác ngày nhưng khoảng đầu năm 2021, ông bà đã viết lại giấy vay nợ, nội dung là do Bà L ghi nhưng bỏ trống dòng ngày tháng năm. Sau đó vợ chồng Bà M đã ghi ngày 08/6/2018 là không đúng ngày tháng năm.

Ông L2, Bà L xác nhận có nợ Ông Nguyễn Tiến L, Bà M 400.000.000 đồng là đúng nhưng năm 2021 hai bên đã thỏa thuận thanh toán tiền vay hai khoản tổng là 1.000.000.000 đồng bao gồm khoản 600.000.000 đồng và khoản 400.000.000 đồng bằng việc Ông L2, Bà L chuyển nhượng lại đất ruộng nông nghiệp. Theo Ông L2, Bà L mức giá hai bên thỏa thuận đã đủ đảm bảo thanh toán cho hai khoản vay gồm khoản 600.000.000 đồng và khoản 400.000.000 đồng này. Vì vậy, Ông L2, Bà L không đồng ý trả khoản nợ này cho Ông Nguyễn Tiến L, Bà M. Ông L2, Bà L đã được Tòa án giải thích quy định của pháp luật về việc cung cấp tài liệu chứng cứ về việc thanh toán khoản tiền 400.000.000 đồng cho Ông Nguyễn Tiến L, Bà M nhưng ông bà không cung cấp được. Ông L2, Bà L đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xuất trình USB ghi âm cuộc nói chuyện giữa Ông L2 với Ông Nguyễn Tiến L, Bà M về việc thỏa thuận thanh toán khoản tiền 600.000.000 đồng bằng việc chuyển nhượng đất ruộng nông nghiệp, còn khoản nợ 400.000.000 đồng hẹn một vài năm thanh toán. Ông L2 xác nhận USB ghi âm cuộc nói chuyện giữa Ông L2 với Ông Nguyễn Tiến L, Bà M là đúng với nội dung đã diễn ra.

Với nội dung trên bản án sơ thẩm đã căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Ông Ngô Sỹ L và Bà Lê Thị L phải trả cho Ông Nguyễn Tiến L và Bà Nguyễn Thị M số tiền 400.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi bản án sơ thẩm xử, ngày 09/9/2022 Ông Ngô Sỹ L và Bà Lê Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn là Ông Nguyễn Tiến L, Bà M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Bị đơn là Ông L2, Bà L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, phía bị đơn có nộp bổ sung tài liệu chứng cứ mới là 11 phiếu chuyển tiền tại Ngân hàng ACB từ tài khoản của Bà L sang tài khoản của Bà M. Tại phiên tòa hôm nay phía bị đơn cho rằng số tiền 400.000.000 đồng là tiền lãi suất 23 ngày của số tiền vay 600.000.000 đồng. Việc thỏa thuận lãi chỉ là thỏa thuận miệng không ghi vào giấy vay nợ. Toàn bộ số tiền gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi 400.000.000 đồng đã được trả bằng 03 sào ruộng canh tác. Nay ông bà xác định không còn nợ tiền Ông Nguyễn Tiến L, Bà M.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng giấy mượn tiền mà phía nguyên đơn làm căn cứ khởi kiện tại Tòa án là giấy viết không vì khi lập giấy vay tiền không có việc giao nhận tiền; thời gian ghi trong giấy mượn tiền không đúng với thời gian lập giấy mượn tiền do vậy không có căn cứ để buộc bị đơn phải trả tiền cho nguyên đơn như bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý phúc thẩm đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của Ông L2, Bà L. Sửa bản án sơ thẩm xử theo hướng tuyên lãi suất của số tiền chậm thi hành án tính từ ngày tiếp theo của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Ông L2, Bà L nộp trong hạn luật định, đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Do có quan hệ quen biết từ trước nên Ông Nguyễn Tiến L, Bà M đã cho Ông L2, Bà L vay tiền. Năm 2018, Ông L2, Bà L đã vay của Ông

Nguyễn Tiến L, Bà M hai khoản tiền tổng là 1.000.000.000 đồng, trong đó bao gồm khoản vay 600.000.000 đồng và khoản vay 400.000.000 đồng. Năm 2021, hai bên đã thỏa thuận thanh toán khoản tiền 600.000.000 đồng bằng việc Ông L2, Bà L chuyển nhượng lại đất ruộng nông nghiệp cho Ông Nguyễn Tiến L, Bà M. Sau khi thanh toán xong khoản tiền này, Ông Nguyễn Tiến L, Bà M đã gạch chéo giấy vay khoản tiền 600.000.000 đồng và trả lại giấy này cho Ông L2. Bà L. Ông L2, Bà L chỉ còn nợ khoản 400.000.000 đồng. Do đó, vào thời điểm hai bên chốt công nợ là đầu năm 2021 nhưng hai bên viết giấy vay mượn tiền ngày 08/6/2018 âm lịch với nội dung Bà L có vay của Ông Nguyễn Tiến L, Bà M số tiền 400.000.000 đồng, có chữ ký của Bà L và ông Minh dưới bên mượn.

Hội đồng xét xử thấy: Việc Ông Nguyễn Tiến L, Bà M cho Ông L2, Bà L vay nợ được thể hiện bằng giấy mượn tiền, nội dung vay nợ với số tiền là 400.000.000 đồng. Các bên khi tham gia có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, đều thừa nhận chữ ký và chữ viết của mình, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc ký giấy vay tiền được thực hiện đúng quy định pháp luật về hợp đồng vay tài sản nên có hiệu lực pháp luật, phát sinh quyền nghĩa vụ đối với các bên. Do vậy, Ông L2, Bà L phải chịu trách nhiệm về giấy vay tiền và thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Ông Nguyễn Tiến L, Bà M theo thỏa thuận. Vì vậy, bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Tiến L, Bà M là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo của Ông L2, Bà L:

Ông L2, Bà L kháng cáo toàn bộ bản án cho rằng ông bà không vay số tiền 400.000.000 đồng đã ký tại Giấy mượn tiền nêu trên, mà số tiền này là khoản tiền lãi của khoản vay 600.000.000 đồng mà ông bà đã thanh toán bằng việc chuyển nhượng lại đất ruộng nông nghiệp cho Ông Nguyễn Tiến L, Bà M. Số tiền 600.000.000 đồng hai bên đã thanh toán xong cả gốc và lãi nên Ông Nguyễn Tiến L, Bà M đã đưa cho ông bà giấy vay tiền gốc và gạch chéo. Do vậy, không đồng ý trả nợ số tiền 400.000.000 đồng. Tuy nhiên, Ông L2, Bà L không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn xuất trình USB ghi âm cuộc nói chuyện giữa Ông L2 với Ông Nguyễn Tiến L, Bà M về thỏa thuận khoản tiền nợ về việc thỏa thuận thanh toán khoản tiền 600.000.000 đồng bằng việc chuyển nhượng đất ruộng nông nghiệp, còn khoản nợ 400.000.000 đồng hẹn một vài năm thanh toán, hai bên thừa nhận giọng nói của mình trong USB ghi âm.

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Ông L2, Bà L kháng cáo bản án nhưng không đưa ra tài liệu, chứng cứ nào mới nên kháng cáo của ông bà không có căn cứ chấp nhận nên cần bác toàn bộ kháng cáo của Ông L2, Bà L.

Tuy nhiên, tại quyết định bản án sơ thẩm đã tuyên về lãi suất chậm trả: “Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác” là chưa phù hợp với hướng dẫn tại Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm số 25/2022/DSST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn về phần tuyên lãi suất chậm trả.

Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên Ông L2, Bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Xử: Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Tiến L, Bà Nguyễn Thị M.

2. Buộc Ông Ngô Sỹ L và Bà Lê Thị L phải trả cho Ông Nguyễn Tiến L và Bà Nguyễn Thị M số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của bản án sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí: Ông L2, Bà L phải chịu 20.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông L2, Bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả Ông L2, Bà L mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003769 và số 0003770 cùng ngày 09/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn.

Hoàn trả Ông Nguyễn Tiến L, Bà M 13.680.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003585 ngày 10/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tính

Vũ Thu Trang

Nguyễn Trọng Trường